

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 24/6/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Khánh Phượng

2. Bà Hoàng Thị Hoài Phong

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/2020/TLST-DS ngày 10/11/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Địa chỉ: Tòa nhà C, số B Trần Hưng Đạo, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N (theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

*Bị đơn:* Ông Trần T, sinh năm 1979 và bà Võ Thị Phương E, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, thành phố Q, tỉnh N.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã Tịnh K. (viết tắt là Hội phụ nữ xã T)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị L, chức vụ: Chủ tịch.

Bà Võ Thị L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L, chức vụ: Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã Tịnh K theo Thông báo số 01/TB – HPN ngày 12/4/2021.

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền lại cho bà Đỗ Thị Tuyết L chức vụ: Tổ trưởng Tổ liên kết vay vốn thôn Mỹ Lại, xã Tịnh K theo Giấy ủy quyền ngày 24/6/2021.

Ông N, bà L có mặt; ông T, bà E vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2020, bản trình bày 04/11/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 09/4/2018 bà Võ Thị Phương E được Ngân hàng Acáp tín dụng với số tiền là 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4002018394 ngày 09/4/2018; mục đích vay: mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/4/2021; kỳ hạn trả gốc: nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng, trả trong vòng 36 tháng, số tiền phải trả từ tháng 01 đến tháng thứ 35 là 1.390.000 đồng/ tháng, số tiền phải trả tháng thứ 36 là 1.350.000 đồng, ngày trả nợ gốc đầu tiên 15/5/2018; lãi suất vay trong hạn là 14%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 10%/năm; cho vay không có tài sản đảm bảo.

Sau khi vay nợ ông T, bà E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/4/2020. Kể từ thời điểm chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, tạo điều kiện cho ông T, bà E thanh toán khoản nợ nhưng ông T, bà E vẫn không thanh toán cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần T và bà Võ Thị Phương E phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.911.636 đồng, trong đó nợ gốc là 17.926.002 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.269.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.715. 902 đồng (tạm tính đến ngày 24/6/2021) và ông T, bà E phải tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4002018394 ngày 09/4/2018 đã ký kết với Ngân hàng.

***Đối với bị đơn ông Trần T và bà Võ Thị Phương E vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.***

Quá trình tố tụng ông Trần T và bà Võ Thị Phương E đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Tuấn, bà E vẫn vắng mặt, không có bản trình bày gửi đến Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đại diện theo ủy quyền của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã Tịnh K trình bày:***

Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã Tịnh K phối hợp với Ngân hàng hình thành Tổ liên kết vay vốn thôn Mỹ Lại, xã Tịnh Khê ký Hợp đồng hợp tác với Ngân hàng A để hỗ trợ cho các hội viên của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã Tịnh K không có tài sản thế chấp, có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nhỏ lẻ, phục vụ nhu cầu sinh hoạt. Bà Võ Thị Phương E được Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam xã Tịnh K xét duyệt thuộc đối tượng để Ngân hàng cho vay. Được biết từ thời điểm vay vốn đến tháng 4/2020 bà E trả nợ rất đều đặn nhưng hiện nay bà E làm ăn thất bại nên đã bỏ đi khỏi

địa phương, còn ông Trần T đi làm biển thường xuyên vắng nhà. Số tiền gốc hiện nay bà E, ông T còn thiếu là 17.926.030 đồng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan. Điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Trần T, bà Võ Thị Phương E vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt yêu cầu ông Trần T, bà Võ Thị Phương E có địa chỉ tại: Thôn Cổ Lũy, xã Tịnh K, thành phố Q, tỉnh N phải trả tổng số tiền gốc và lãi là 21.911.636 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD4002018394 ngày 09/4/2018 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn ông T, bà E nhưng tại phiên tòa ông T, bà E vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hội phụ nữ xã Tịnh K phối hợp với Ngân hàng hình thành Tổ liên kết vay vốn thôn M, xã Tịnh K, thành phố Q. Trên cơ sở đó, Ngân hàng A ký Hợp đồng hợp tác với Hội phụ nữ xã Tịnh K ngày 21/12/2017 và ký Hợp đồng hợp tác với Tổ liên kết vay vốn thôn M, xã Tịnh K, thành phố Q ngày 04/01/2018 mục đích để hỗ trợ cho các hội viên của Hội phụ nữ xã Tịnh K không có tài sản thế chấp, có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nhỏ lẻ, phục vụ nhu cầu sinh hoạt. Bà Võ Thị Phương E được Hội phụ nữ xã Tịnh K xét duyệt thuộc đối tượng để Ngân hàng cho vay. Trên cơ sở Giấy đề

ngợi vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 04/4/2018 giữa khách hàng vay là bà Võ Thị Phương E và người đồng chịu trách nhiệm là ông Trần T là chồng của bà Võ Thị Phương E có xác nhận của Hội phụ nữ xã Tịnh K và Tổ liên kết vay vốn thôn Mỹ Lại, xã Tịnh K, thành phố Q xác nhận khách hàng bà Võ Thị Phương E đủ điều kiện vay vốn tại Ngân hàng A, nên bà E, ông T được Ngân hàng Bưu điện Liên Việt cho vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số : HDTD4002018394 ngày 09/4/2018. Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng A với bà E được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp. Bà E đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà E chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 32.073.998 đồng. Khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi ngày 15/4/2020 nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Mặc dù ông T không ký vào Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ nhưng tại Điều 9 của Hợp đồng quy định về nghĩa vụ của bên vay và người đồng trách nhiệm của bên vay và đồng thời ông T cũng ký vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ nên ông T và bà E đều phải có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng. Tòa án đã triệu tập ông T, bà E đến Tòa án để làm việc tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà E vẫn không đến Tòa án, không có khiếu nại, thắc mắc gì và không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày đại diện của nguyên đơn cho thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A với bà E là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Căn cứ với các quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng ông T, bà E phải trả nợ vay cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc ông T, bà E phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 21.911.636 đồng.

[2.2] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.3 ] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Trần T, bà Võ Thị Phương E phải chịu: 21.911.636 đồng x 5% = 1.095.582 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt số tiền 489.107 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005410 ngày 10/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số : HDTD4002018394 ngày 09/4/2018.

2. Buộc ông Trần T, bà Võ Thị Phương E có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tổng số nợ tiền gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 24/6/2021 là 21.911.636 đồng (hai mươi một triệu, chín trăm mười một nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó: nợ gốc 17.926.002 đồng (mười bảy triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm lẻ hai đồng), lãi trong hạn: 1.269.732 đồng (một triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng), lãi quá hạn: 2.715.902 đồng (hai triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm lẻ hai đồng).

Kể từ 25/6/2021 ông Trần T, bà Võ Thị Phương E còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số : HDTD4002018394 ngày 09/04/2018 các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần T, bà Võ Thị Phương E phải chịu là 1.095.582 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 489.107 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005410 ngày 10/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Túc**